

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CẦN LƯU Ý CỦA QUY CHẾ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN
TRÊN SGDCK TP.HCM BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 10/QĐ-SGDHCM
NGÀY 13/01/2014**

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Tham chiếu
I. Đăng ký niêm yết lần đầu:			
1.	Điều kiện niêm yết đối với tổ chức đăng ký niêm yết là công ty cổ phần	Các tiêu chí “ROE năm gần nhất tối thiểu 5%”, “có lãi”, “không có lỗ lũy kế”, “không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm” được xem xét dựa trên BCTC kiểm toán năm gần nhất.	Khoản 1 Điều 4
2.	Điều kiện niêm yết đối với công ty cổ phần	Bổ sung “Giám đốc Tài chính” vào đối tượng cam kết nắm giữ cổ phiếu trong vòng 6 tháng và 1 năm từ khi niêm yết cổ phiếu.	Khoản 4 Điều 4 và Khoản 1.1 d Điều 8
3.	Cam kết nắm giữ cổ phiếu đối với công ty chuyển từ SGDCK Hà Nội sang đăng ký niêm yết trên SGDCK Tp.HCM.	Việc cam kết nắm giữ cổ phiếu của các cổ đông nội bộ và cổ đông lớn liên quan đến cổ đông nội bộ theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP phải tiếp tục thực hiện theo các cam kết khi niêm yết trên SGDCK Hà Nội nếu những cam kết này còn hiệu lực. Trường hợp các cam kết khi niêm yết trên SGDCK Hà Nội đã hết thời hạn, các cổ đông này không phải thực hiện lại cam kết nắm giữ cổ phiếu.	Khoản 5 Điều 4
4.	Đối với Báo cáo tài chính có ý kiến kiểm toán ngoại trừ	Ý kiến kiểm toán đối với các báo cáo tài chính phải thể hiện chấp nhận toàn bộ. Trường hợp ý kiến kiểm toán là chấp nhận có ngoại trừ thì khoản ngoại trừ phải không ảnh hưởng đến điều kiện niêm yết và không phải là các khoản ngoại trừ liên quan đến các khoản mục: tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, nợ phải trả và các khoản mục trọng yếu khác. Đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu ý kiến kiểm toán là chấp nhận có ngoại trừ, thì khoản ngoại trừ ngoài việc đáp ứng quy định nêu trên còn không phải là khoản ngoại trừ do không hợp nhất công ty con. Tổ chức đăng ký niêm yết phải có tài liệu giải thích hợp lý và có xác nhận của tổ chức kiểm toán về ảnh hưởng của việc ngoại trừ.	Điểm 5.4 Khoản 5 Điều 5
5.	Dừng xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết	Trường hợp quá sáu (06) tháng kể từ ngày có công văn yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức đăng ký niêm yết/công ty quản lý quỹ không thực hiện bổ sung, sửa đổi theo yêu cầu, SGDCK dừng việc xem xét hồ sơ đó	Khoản 4, Điều 6
6.	Điều kiện niêm yết đối với Công ty đầu tư chứng khoán và Quỹ đầu tư chứng khoán	Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán có hiệu lực , công ty quản lý quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán phải hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán trên SGDCK theo quy định.	Khoản 5 Điều 6

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Tham chiếu
II. Đăng ký niêm yết đối với công ty hình thành sau quá trình hợp nhất, sáp nhập			
1.	Điều kiện niêm yết đối với công ty hình thành sau quá trình <u>hợp nhất</u> liên quan đến cơ cấu cổ đông	Trường hợp 2 công ty trước hợp nhất là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, <i>công ty sau hợp nhất nhà nước vẫn nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên sẽ không cần đáp ứng điều kiện</i> “tối thiểu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty do ít nhất ba trăm (300) cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ.	Khoản 1.4 Điều 8
2.	Quy trình đăng ký niêm yết đối với công ty hình thành sau quá trình <u>hợp nhất</u>	<i>Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký kinh doanh, Công ty cổ phần hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều là công ty niêm yết trên SGDCK và Công ty cổ phần hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có ít nhất một công ty niêm yết trên SGDCK và đồng thời có ít nhất một công ty không phải là công ty niêm yết trên SGDCK phải tiến hành các thủ tục đăng ký niêm yết. Nếu sau thời hạn trên, Công ty cổ phần hình thành sau hợp nhất đăng ký niêm yết phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết</i> quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.	Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 8
3.	Điều kiện niêm yết đối với công ty hình thành sau quá trình <u>sáp nhập</u> liên quan đến xác định thời hạn hoạt động	Thời hạn hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần của công ty hình thành sau sáp nhập đối với trường hợp công ty nhận sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên SGDCK <i>sẽ được xác định căn cứ vào thời điểm thành lập công ty cổ phần của công ty nhận sáp nhập.</i>	Điểm 1.3 Khoản 1 Điều 9
4.	Cam kết nắm giữ cổ phiếu của Công ty hình thành sau <u>sáp nhập</u>	Công ty hình thành sau sáp nhập theo quy định tại Điểm b1, b2 Khoản 1.2 Điều 3 Thông tư số 73/2013/TT-BTC thì các đối tượng là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc tài chính và kế toán trưởng công ty, cổ đông lớn là người có liên quan với những thành viên này sẽ <i>phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu hoán đổi do mình sở hữu</i> trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết bổ sung và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.	Điểm 1.4 Khoản 1 Điều 9
5.	Quy trình đăng ký niêm yết đối với công ty hình thành sau quá trình <u>sáp nhập</u>	Công ty hình thành sau sáp nhập đối với trường hợp công ty nhận sáp nhập và công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên SGDCK và trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, công ty bị sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên SGDCK (<i>công ty bị sáp nhập và tỷ lệ ROE của công ty hình thành sau sáp nhập không thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điểm b1, b2 Khoản 1.2 Điều 3 Thông tư số 73/2013/TT-BTC</i>) <i>thực hiện theo Quy trình thay đổi đăng ký niêm yết</i> quy định tại Điều 14 và thời gian	Điểm 3.1 Khoản 3 Điều 9

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Tham chiếu
		Quy chế này.	
6.		Công ty hình thành sau sáp nhập đối với trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, công ty bị sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên SGDCK đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b1, b2 Khoản 1.2 Điều 3 Thông tư số 73/2013/TT-BTC thực hiện theo Quy trình đăng ký niêm yết quy định tại Điều 6 Quy chế này.	Điểm 3.2 Khoản 3 Điều 9
III. Thay đổi đăng ký niêm yết			
1.	Thời gian nộp hồ sơ niêm yết bổ sung <u>trong trường hợp phát hành thêm cổ phiếu</u>	Tổ chức niêm yết phải thực hiện niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán	Khoản 3 Điều 12
2.	Thời gian nộp hồ sơ niêm yết bổ sung <u>đối với phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, hoặc theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.</u>	Tổ chức niêm yết phải tiến hành đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày hoàn thành việc phát hành	Khoản 4 Điều 12
3.	Thời gian nộp hồ sơ niêm yết bổ sung <u>đối với quỹ đầu tư/công ty đầu tư chứng khoán</u>	Công ty quản lý quỹ, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán phải hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ/ cổ phiếu trên SGDCK theo quy định trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh hoặc giấy phép điều chỉnh giấy phép thành lập và hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán có hiệu lực.	Khoản 5 Điều 12
4.	Thông báo giao dịch chứng khoán mới niêm yết <i>(kể cả chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng)</i>	Tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký giao dịch đối với toàn bộ số lượng chứng khoán đã đăng ký niêm yết kể cả trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng. Trường hợp chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng, ngày giao dịch được xác định sau khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.	Điểm 3.3 Khoản 3 Điều 14
IV. Chứng khoán bị cảnh báo			
1.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>vào diện bị cảnh báo</u>	Vốn điều lệ đã góp của tổ chức có cổ phiếu, trái phiếu niêm yết giảm xuống dưới một trăm hai mươi (120) tỷ đồng Việt Nam tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất.	Khoản 1.1a Điều 15

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Tham chiếu
2.		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm của công ty là số âm (lỗ lũy kế)	Khoản 1.1c Điều 15
3.		Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ ba (03) tháng trở lên	Khoản 1.1d Điều 15
4.		Cổ phiếu không có giao dịch trong vòng sáu (06) tháng	Khoản 1.1f và Khoản 1.2c Điều 15
5.		Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá của quỹ đầu tư hoặc vốn điều lệ đã góp của công ty đầu tư chứng khoán giảm xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất	Khoản 1.2a Điều 15
6.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>ra khỏi diện bị cảnh báo</u>	Trường hợp tổ chức niêm yết rơi vào diện cảnh báo liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh (Điểm a, b, c, Khoản 1.1 Điều 15; Điểm a Khoản 1.2 Điều 15; trường hợp lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ) sẽ được xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo căn cứ vào báo cáo tài chính soát xét bán niên hoặc báo cáo tài chính kiểm toán năm.	Điểm 4.2 Khoản 4 Điều 15
7.		Trường hợp chứng khoán rơi vào diện cảnh báo sau khi tổ chức niêm yết/Công ty quản lý quỹ thường xuyên vi phạm quy định về công bố thông tin sẽ được xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo nếu tổ chức niêm yết/Công ty quản lý quỹ không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu sáu (06) tháng tiếp theo kể từ ngày SGDCK ra quyết định cảnh báo.	Điểm 4.3 Khoản 4 Điều 15
8.	<u>Duy trì</u> chứng khoán thuộc <u>diện bị cảnh báo</u>	Trong những trường hợp cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư, SGDCK có thể xem xét duy trì diện cảnh báo đối với chứng khoán của tổ chức niêm yết	Khoản 5 Điều 15
V. Chứng khoán bị kiểm soát			
1.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>vào diện bị kiểm soát</u>	Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm kế tiếp của công ty là số âm (sau khi Lợi nhuận sau thuế năm trước đó liên kế đã bị âm và/hoặc đã bị lỗ lũy kế)	Khoản 1.1b Điều 16
2.		Lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ thực góp tại báo cáo tài chính bán niên soát xét gần nhất.	Khoản 1.1c Điều 16
3.		Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ chín (09) tháng trở lên	Khoản 1.1d Điều 16
4.	Biện pháp chế tài	Chứng khoán bị kiểm soát sẽ bị tạm ngừng giao dịch cho đến khi tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin và/hoặc giải trình đầy đủ theo yêu cầu của SGDCK. Căn cứ trên giải trình của tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ, SGDCK sẽ xem	Khoản 3 Điều 16

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Tham chiếu
		<i>xét cho chứng khoán niêm yết được giao dịch trở lại</i>	
5.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>ra khỏi</u> <u>diện bị kiểm</u> <u>soát</u>	Đối với chứng khoán niêm yết đang trong diện bị kiểm soát sau khi <i>vốn điều lệ</i> đã góp của tổ chức có cổ phiếu, trái phiếu niêm yết <i>giảm xuống dưới một trăm hai mươi (120) tỷ đồng Việt Nam hoặc Tổng giá trị chứng chỉ quỹ</i> theo mệnh giá của quỹ đầu tư hoặc vốn điều lệ đã góp của công ty đầu tư chứng khoán <i>giảm xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng Việt Nam</i> tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất; <i>hoặc</i> tổ chức niêm yết bị <i>lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ</i> thực góp tại báo cáo tài chính bán niên soát xét gần nhất <i>sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi công ty khắc phục được hoàn toàn nguyên nhân</i> căn cứ trên báo cáo tài chính soát xét bán niên hoặc báo cáo tài chính kiểm toán năm.	Điểm 4.1 Khoản 4 Điều 16
6.		Đối với chứng khoán niêm yết đang trong diện bị kiểm soát sau khi <i>Lợi nhuận sau thuế</i> của năm tài chính trên báo cáo tài chính kiểm toán <i>năm kế tiếp</i> của công ty là số âm sẽ được đưa ra khỏi diện kiểm soát khi công ty có lãi và không còn lỗ lũy kế, <i>hoặc chuyển sang diện cảnh báo khi công ty có lãi nhưng vẫn còn lỗ lũy kế</i> căn cứ trên báo cáo tài chính soát xét bán niên hoặc báo cáo tài chính kiểm toán năm kế tiếp	Điểm 4.2 Khoản 4 Điều 16
7.		Trường hợp chứng khoán rơi vào diện kiểm soát sau khi Tổ chức niêm yết <i>ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất kinh doanh chính từ chín (09) tháng trở lên</i> sẽ được xem xét đưa ra khỏi diện kiểm soát khi công ty khắc phục được nguyên nhân.	Điểm 4.3 Khoản 4 Điều 16
VI. Chứng khoán bị kiểm soát đặc biệt			
1.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>vào diện</u> <u>bị kiểm soát đặc</u> <u>biệt</u>	Khi tổ chức niêm yết/ công ty quản lý quỹ <i>tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin</i> trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện cảnh báo	Điểm 1.1 Khoản 1 Điều 17
2.		Trong trường hợp <i>SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư</i> sau khi được UBCKNN chấp thuận	Điểm 1.2 Khoản 1 Điều 17
3.	Biện pháp chế tài	Chứng khoán bị kiểm soát đặc biệt sẽ <i>bị hạn chế về thời gian và/hoặc biên độ dao động giá.</i> Chứng khoán thuộc diện kiểm soát đặc biệt <i>chỉ được giao dịch vào phiên chiều của ngày giao dịch theo phương thức khớp lệnh và thỏa thuận.</i> Trong trường hợp cần thiết, SGDCK Tp.HCM sẽ áp dụng việc hạn chế biên độ dao động giá sau khi có sự chấp thuận của UBCKNN	Khoản 3 Điều 17
4.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>ra khỏi</u> <u>diện bị kiểm</u>	SGDCK sẽ xem xét <i>đưa chứng khoán ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt/chuyển sang diện cảnh báo nếu</i> tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ <i>không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng</i>	Khoản 5 Điều 17

STT	Nội dung	Quy định chi tiết	Tham chiếu
	<u>soát đặc biệt</u>	<i>khoản trong tối thiểu sáu (06) tháng tiếp theo</i> kể từ ngày ra quyết định kiểm soát đặc biệt <i>hoặc nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị kiểm soát đặc biệt được khắc phục hoàn toàn.</i>	
VII. Tạm ngừng giao dịch chứng khoán niêm yết			
1.	Điều kiện xem xét đưa chứng khoán <u>ra khỏi diện bị tạm ngừng giao dịch</u>	<p>SGDCK yêu cầu tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ công bố thông tin và giải trình cụ thể theo yêu cầu của SGDCK đối với các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường; - Tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện kiểm soát đặc biệt; - Trong trường hợp cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư hoặc đảm bảo ổn định của thị trường sau khi được UBCKNN chấp thuận <p>Căn cứ trên giải trình của tổ chức niêm yết/công ty quản lý quỹ về các nguyên nhân dẫn đến bị tạm ngừng giao dịch (nếu có), <i>SGDCK sẽ xem xét cho chứng khoán niêm yết được giao dịch trở lại hoặc chuyển sang diện cảnh báo/kiểm soát/kiểm soát đặc biệt cho đến khi nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm ngừng giao dịch được khắc phục hoàn toàn.</i></p>	Khoản 2 Điều 18
VIII. Hủy niêm yết			
1.	Thời gian được phép giao dịch trước khi bị <u>hủy niêm yết bắt buộc</u>	SGDCK có thể xem xét cho chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết được giao dịch tối đa ba mươi (30) ngày trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực	Khoản 3 Điều 19
2.	Điều kiện <u>hủy niêm yết tự nguyện</u>	Các điều kiện hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; trong đó tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông nhỏ được tính toán dựa trên toàn bộ số cổ đông nhỏ của công ty”.	Khoản 1 Điều 20
IX. Xử lý vi phạm			
1	Các hình thức xử lý vi phạm	Bổ sung trường hợp nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường và đưa chứng khoán vào diện kiểm soát đặc biệt.	Khoản 1 Điều 25
X. Điều khoản thi hành			
1.	Điều kiện niêm yết đối với tổ chức niêm yết trước khi Nghị định 58/2012/NĐ-CP có hiệu lực	Các tổ chức đã đăng ký niêm yết trên SGDCK trước thời điểm Nghị định 58/2012/NĐ-CP có hiệu lực không phải đáp ứng điều kiện niêm yết liên quan đến vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông theo quy định của Nghị định này và được tiếp tục niêm yết mà không phải chuyển đổi SGDCK theo điều kiện niêm yết mới (căn cứ Điều 92 Nghị định 58/2012/NĐ-CP).	Điều 26

